

4. Hệ thống biểu hiện tính thiêng

4.1. Dàng,/ thần linh, tổ tiên và các ma (hiên, dữ)

+ Dàng/ thần linh

Dàng của người Cơ Tu được hiểu như thần của người Kinh. Với người Cơ Tu trên rừng núi Trường Sơn hùng vĩ, quan niệm vũ trụ nhân sinh của họ làm xuất hiện thế giới quan vũ trụ. Họ tin có ba tầng mà dàng thường trú ngụ. Đó là Trời - Đất - Dưới đất. Như thế dàng cũng chính là thần của họ. Truyền thuyết cổ xưa của người Cơ Tu, mỗi tộc họ có một vị thần linh kèm theo. Có thần được nhân cách hóa từ rễ cây, hoa lá. Mỗi cơ bauh, hay tô gỗ Cơ Tu đều kèm theo một vật tổ thể hiện ra cái cơ bauh của tộc họ. Vật tổ chính là tô tem giáo, là tổ tiên linh thiêng như vị thần. Đó là thần hộ mệnh, thần cứu rỗi. Đối với loài người nói chung quan niệm về thần được hiểu là tượng trưng cho ánh sáng không thể chia cắt và không chế, tạo ra niềm tin sâu kín nhất và dĩ nhiên cũng mãnh liệt nhất của con người. Thần luôn có mặt khắp nơi và phát hiện cho loài người những quy tắc thần thánh trong hầu hết các hoạt động của con người để tồn tại. Không thể coi thường những lời răn dạy của thần, bởi làm thế sẽ gây ra những hỗn độn khó lường, gây rối loạn nghiêm trọng trật tự đã được sắp xếp, bởi vì dàng/ thần đã sắp xếp và thiết lập mẫu mực ứng xử thường xuyên trong cuộc sống và điều này phải được thực hiện nghiêm túc giữa các sự vật và hiện tượng với nhau, đặc biệt quan hệ sắp đặt giữa người với người phải được coi là chuẩn mực. Vì đây là cái gốc của ổn định tính cộng đồng xã hội. Có thể quan niệm về thế giới đa thần của tộc người Cơ Tu nằm trong gốc gác của trật tự xã hội đó. Những hình tượng các thần ma bằng gỗ được người Cơ Tu sáng tạo ra với nhiều bộ dạng biểu cảm khác nhau thể hiện tầng lớp thế giới vô hình được sắp xếp trước sau đã cho thấy trong những lần hiến tế tại các lễ tế cúng dàng/ thần linh là thế nào!

+ Tổ tiên

Trước đây người Cơ Tu không thiết lập bàn thờ và thờ tự, cúng tế tổ tiên ông bà vì tính chất du canh du cư, di chuyển theo mùa nương rẫy. Đó cũng là tập tục truyền thống của họ. Trước đây, khi có người chết, người Cơ Tu sau khi đem chôn một hay hai năm sau thực hiện lễ bỏ mả (têng ping) và chuyển đi chỗ khác theo cách đôn mô. Họ rất sợ người chết và không bao giờ quay lại khu vực nơi chôn cất đó nữa.

Hiện nay có nơi, người Cơ Tu lập bàn thờ, thờ ông bà tổ tiên họ. Tục lệ này giống người Kinh. Khi người thân trong gia đình chết họ cũng làm lễ tang giống người Kinh và đến năm, họ cũng làm đám giỗ cho người đó. Tháng, có đám tang người Cơ Tu tìm xuống vùng đồng bằng mời một tổ chức tang lễ của người Kinh

(Việt) đến tổ chức lễ tang. Và tổ chức tang lễ này tiến hành các lễ theo cách của người Kinh.¹

Như vậy có thể thấy được là cách đây không quá lâu, người Cơ Tu vẫn có những nét riêng biệt trong phong tục. Họ có lễ bỏ mả, chia phần của (tài sản) người sống cho người chết. Nhưng với sự sống chung của người Kinh, phong tục người Cơ Tu đã dần biến dịch dần đến biến đổi theo.

Trong gian thờ của người Cơ Tu hiện nay đa phần có hai không gian thiêng, trên cao họ nói là để thờ cúng ông bà tổ tiên, còn không gian phía dưới, đặt bàn thờ để thờ cúng người thân cận huyết thống của họ. Tuy nhiên, trong điền dã đến các làng Cơ Tu, chúng tôi còn thấy được những gian thờ rất rộng ngay chính giữa ngôi nhà có để bàn thờ tổ tiên, người thân của họ. Hai bên và chính giữa là dải liềng màu đỏ tương tự của người Kinh. Có thể thấy đây được cho rằng họ tiếp nhận văn hóa thờ cúng của người Kinh.

Qua việc thờ thần và thờ cúng tổ tiên của người Cơ Tu có thể thấy được từng bước chuyển đổi từ vạn vật hữu linh như tín ngưỡng vùng Đông Nam Á sang loại hình tín ngưỡng cổ truyền là thờ cúng tổ tiên ông bà và đồng thời cùng với tín ngưỡng dân gian cổ truyền như người Kinh, gần đây xuất hiện tín ngưỡng đơn thần: Phật giáo, Thiên Chúa giáo.

+ *Các ma*

Chết là kết thúc một quá trình tuyệt đối của sự sống. Chết tước đi sự tích cực của sự sống. Tất cả các sinh vật (vạn vật) hay một hiện tượng nào đó đều có sinh và có chết (diệt): con người, cây cỏ, liên minh nào đó, một thời đại, ... đều có sinh và có diệt. Cái chết làm hủy diệt sự sống, chết cắt đi sự tiến hóa trong sự sống. Con người chết là hình thức cắt đứt sự sống và sự tiến hóa sinh học, trí tuệ của sự vật và hiện tượng. Trong cái chết có nhiều hình thức cắt đứt, hoặc chết do tiến hóa đến độ chuyển đổi từ vật thể này sang vật thể khác, chết do quy luật tiến hóa ngưng trệ phải chịu sự kết thúc sự sống theo cách tự nhiên có sinh có diệt. Chuyện sinh tử là chuyện thường nhiên. Tuy nhiên theo ý niệm về Thiên đường và Địa ngục là hai mặt đối lập, thì cái chết không bình thường của những người không may mắn, nhận lãnh cái chết

¹ Tư liệu điền dã do ông Y Kong trao đổi (5/2017). Ông kể, ông có một người bạn thân sinh sống tại xã A Xan, nghe tin bạn mất, ông đi thăm viếng tang. Đến nơi ông không tìm thấy lễ tang theo tục lệ người Cơ Tu, không có hát thương tiếc (nói - hát lý đám tang) mà tất cả là lễ tục người Kinh (Việt) được trao truyền và tổ chức thực hiện.

Trong một lần điền dã 5/2018, đến thôn Tà Lang, Giàn Bí, một chị người Kinh (Việt) kể rằng: “Lúc lên đây họ có tục là người chết là chôn rứa thôi, sau ni người Kinh lên cũng có nói chuyện, khuyên họ là người thân của mình thì không nên bỏ mặc, nhất là trong đám ma vì họ rất sợ người chết nên ngày đưa ma là không có ai dám ra đường, bỏ xuống huyết là chạy thật nhanh về nhà. Nói mãi thì họ cũng đưa đám đàng hoàng nhưng họ đi theo kiểu đi ngược (thụt lùi) để cho ma quý không biết mà theo về nhà. Tới chỗ chôn họ cũng chỉ vội ném một viên đá xuống chứ không dám nhìn. Bây giờ thì hết rồi”. (Bà Hoàng Hà Giang cung cấp).

bằng cây đề, rắn cắn, sét đánh (được cho là Trời đánh), chết do cung tên bắn, chết do sinh đẻ, ²... được người Cơ Tu quan niệm rằng đó là chết hung dữ, là chết xấu, linh hồn sẽ trở thành ma dữ. Bởi vì chết như thế do quyền năng thuộc về dàng/ thần linh. Hồn ma của họ phải được dẫn dắt vào Địa ngục để vĩnh viễn không trở lại thế gian phá hại, để trở thành ma ám cộng đồng làng.

Với cái chết của những người có quy luật tiến hóa bình thường, theo quan niệm *Sinh lão bệnh tử/ Tự cổ thường nhiên*, được dàng và người thân còn sống cho phép và mời về với tổ tiên, và với cộng đồng làng. Sự hân hoan của những người còn sống trong sự tiến hóa luôn tin tưởng ở khả năng nắm giữ năng lượng, sắp đặt cho phát triển, cho tái sinh sự sống mới. Con người phải khách quan đón nhận sự sống và cái chết, trong quá trình tiến hóa luôn căng thẳng trong tình thế đối lập sống – chết.

Người Cơ Tu có hai ý niệm về cái chết: chết xấu và chết bình thường (chết dữ và chết hiền).³

Chết dữ: Theo quan niệm người Cơ Tu miền Tây Quảng Nam, chết xấu do có sự “ra tay” của con ma xấu dưới quyền năng nắm giữ của dàng. Ma xấu xem là có sức mạnh siêu nhiên mà các thầy cúng trong làng chưa có phương thức khắc chế được. Do vậy, trong làng nếu đã bị ma ám cả làng, người dân khiếp đảm trong thế đối lập.

Người Cơ Tu sẽ bỏ làng di dời người dân đi nơi khác nếu như ma xấu làm chết người dân trong làng, hoặc cuộc sống đang bình yên, bỗng một ngày có người

² “Người Aztèque (ở Mehico xưa) quan niệm rằng, những phụ nữ chết khi sinh đẻ được nhập với những chiến binh bị hiến sinh hay tử trận. Họ tiếp nối những người này, từ giờ trưa, đi theo Mặt trời trong nửa thứ hai của hành trình ban ngày của nó. Cùng với các chiến binh, họ tạo thành một cặp biện chứng phát triển – thoái triển. Mang khuôn mặt đi xuống của cặp biện chứng ấy, của ánh sáng đi vào bóng tối, họ là một phần biểu hiện nguy hiểm của cái thiêng liêng. Soustelle nói rõ: *đôi khi họ hiện ra ở mặt đất vào buổi hoàng hôn, ở các ngã tư. Họ làm cho những người gặp họ khiếp đảm, làm cho những người này động kinh hay bại liệt*, nghĩa là những tai họa thiêng liêng. Người đàn bà chết sau khi cho ra đời một đứa con, trong tất cả các nền văn hóa đều có một ý nghĩa thiêng liêng, giống ý nghĩa của việc hiến tế mạng người để bảo đảm tính trường tồn không chỉ của sự sống mà cả của bộ tộc, quốc gia, gia đình” (Jean Chevalier, Alain Gheerbrant. Dictionnaire des symboles. Édition revue et augmentée. Robert Laffont, Paris 1992, Phạm Vĩnh Cư (Chủ biên dịch thuật, 2002).

³ Vấn đề này, người Kinh miền xuôi có quan niệm chết có hai hình thức: chết bình thường và chết bất đắc kỳ tử. Chết *bất đắc kỳ tử* là chết ngoài đường, ngoài nhà ở, chết bất ngờ ngoài ý muốn, như xe tông chết, thất cổ tự tử chết, cây đề, ngã giàn, chết trôi (đuối nước), ... Người miền xuôi quan niệm chết đường là cách chết đau khổ nhất, hệ lụy cho những người thân. (Người bệnh nặng hết phương cứu chữa tại bệnh viện cũng bằng mọi cách mang về nhà để chết). Chết như thế, không được mang thi thể vào nhà. Cách nay trên dưới 15 năm, người chết theo cách này, được đưa thi thể vào trong cổng vườn (ngoài sân), tuyệt, không đưa thi thể vào quàng trong nhà. Quan niệm rằng như thế oan hồn sẽ không theo xác vào nhà, hồn ma vất vưởng ngoài đường và thường làm hại những người có quan hệ huyết thống gần với người chết. Đưa thi thể *bất đắc kỳ tử* vào nhà tổ chức mai táng sẽ dẫn theo hệ lụy đến cho người thân, có thể gây nên ốm đau, đói kém và cao nhất là chết chóc. *Hung thân, hồn sư* chết theo cách này trở nên rất dữ. Do đó người miền xuôi vẫn có hình thức kiêng cử. Đây là hủ tục, cần loại bỏ. Nay, tục kiêng cử này được loại bỏ.

chết theo cách được cho là chết “xấu”. Người chết xấu, ma sẽ trở nên rất dữ, làm hại người còn sống, “kéo theo” ma xấu. Người sống quan niệm rằng có thể kéo theo nhiều người cùng chết. Hoặc có thể sau khi ma ám, làng sẽ gặp đói kém, dịch bệnh làm chết người, hoặc đau ốm triền miên, lẩn quẩn trong vòng đói nghèo, bệnh tật. Nên với người Cơ Tu thời trước, ma xấu là loại ma mà con người luôn tránh xa để ma không gặp mặt làm hại bằng cái chết không bình thường, nghĩa là gặp phải cái chết xấu như “ma xấu”. Thế nên, khi người chết theo cách chết xấu, được người thân chôn cất tức khắc tại một nơi xa làng, nơi mà người chôn cất nghĩ rằng, con ma sẽ không biết đường về lại nhà, lại làng quấy phá, ám hại dân làng.

Năm 2014 một người trẻ tuổi tại thôn Bút Tựa, xã Sông Côn, huyện Đông Giang bỗng dung thắt cổ tự tử chết.⁴ Quan niệm rằng ma xấu đã về làng “bắt” người đi theo, nên người dân trong làng thất thỏm, nao lòng, không an tâm. Ngay tại đầu làng (cổng vào làng), người dân cắm nhiều cây gai xương rồng (loại không gai, da xanh sẫm, có nhiều mủ) ngay tại đường đi vào làng để mong ngăn chặn ma xấu tìm hại dân làng. Cách như thế cho rằng để ngăn ma xấu thâm nhập vào làng và theo người dân ra khỏi làng. Không gian phía trong những cây gai xương rồng đó là không gian làng Bút Tựa đã bị ma xấu chiếm giữ và đang phá hại “với một sức mạnh siêu nhiên khó ngăn cản được”!.

Người dân làng Bút Tựa đã có dấu hiệu dời nhà đi nơi khác. Họ yên lặng thoát ra khỏi làng, tìm đến những nơi được cho là an toàn để tránh ma xấu bu bám theo làm hại. Có thể họ đưa nhau ra nhà zong (chòi rẫy) tại rẫy trú ngụ. Quan niệm về ma xấu, thâm nhập vào làng, chiếm giữ và phá hại có ảnh hưởng lớn lao đến cuộc sống người dân Bút Tựa. Ảnh hưởng do quan niệm “ma xấu” lớn đến mức, người dân sẵn sàng phá dỡ nhà cửa tìm nơi khác lập làng, khi trong làng được cho có con ma xấu thâm nhập mà chưa có cách nào đuổi ra khỏi làng được. Các thầy cúng mặc dầu có năng lực giao tiếp với dàn nhưng trong trường hợp này đều không xoay trở được gì để giúp dân trong làng ổn định tinh thần, quay lại với cuộc sống thường ngày, ổn định tâm lý để làm ăn sinh sống. Ma xấu làm hại con người trong làng bằng hình thức cao nhất là gây nên chết chóc – những cái chết rất linh thiêng. Đây là điều đáng sợ và thế là nên tránh, để ma xấu không tìm thấy để “bắt” phải đi theo.

Từ ngày mùng 4 tết Giáp Ngọ (2014), làng/ thôn Bút Tựa, xã Sông Côn, huyện Đông Giang tính ra đã định cư hơn 30 năm xây dựng và phát triển, đã tắt bếp. Phút

⁴ Bút Tựa: làng, tiếng Cơ Tu viết *Bút cu Dhua* là tên gọi người đến lập làng. Ông A Ting Dhua là người có nhiều của cải, lúa, trâu, heo, bò. Trong làng ai khó khăn đói kém ông giúp đỡ. Năm 1979, bỗng dung ông treo cổ chết tại nhà. Người dân làng thương tiếc ông, lấy tên ông đặt cho tên làng, gọi là Bút Tựa. Bút, bởi nguyên trước kia làng thuộc làng Bút, trước năm 1975 do chiến tranh, dân phiêu bạt nhiều nơi, sinh sống nhiều chỗ, lập nên ba làng, chuyển hóa địa danh thành Bút Nhót, Bút Tựa, Bút Nga. Tháng 4/2018, thực hiện Quyết định 179-QĐ/UBND ngày 18/01/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về thành lập, đổi tên thôn, khu phố thuộc các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. Theo đó, sau khi điều chỉnh, sắp xếp lại, địa danh Bút Nhót, Bút Tựa, Bút Nga không còn. (Xem: Võ Văn Hòe (2019), *Địa danh Quảng Nam xưa và nay* (Quyển 1), Nhà xuất bản Hội Nhà Văn).

chốc, các hộ gia đình tháo dỡ nhà cửa, bỏ đi nơi khác, bởi vì một lẽ duy nhất là sợ con “ma xấu” gây nên chết chóc. Như thế, người Bút Tura cho rằng làng đã bị ma xấu ám hại. Theo cách hiểu dân gian là làng bị *ma ám*. Mà ma đã ám thì người không ở được với ma.⁵ Thầy cúng tại làng báo cáo làng và được cho rằng đến lúc này làng Bút Tura không thể ở tại vùng đất này được nữa. Phải dời làng! Có 21 hộ gia đình với 85 nhân khẩu phải di dời theo phán quyết của tâm lý lo sợ và khả năng đối lập sống – chết của người dân Bút Tura. Dân làng sắm lễ phẩm cúng dâng xin được đuổi ma xấu ra khỏi làng nhưng không hiệu quả. Bởi ma xấu đã ám rồi. Và thế là cả làng Bút Tura tháo chạy trong nỗi hoang mang, lo lắng, khiếp sợ thất lòng.

Nhưng để trừ khử con ma xấu đi khỏi làng, người dân phải có lễ cúng. (Mặc dầu đây là hủ tục theo quan niệm tồn tại thời nguyên thủy, nhưng chủ làng, những người có trách nhiệm trong Hội đồng già làng phải thực hiện để làm an lòng người dân),⁶

Ma xấu là quan niệm cổ hủ xuất hiện từ thời nguyên thủy, tồn tại đến nay còn dai dẳng trong cộng đồng tộc người Cơ Tu. Hiện nay trong tiến trình xây dựng nông thôn mới, các hủ tục dần bãi bỏ. Vấn đề ma xấu là hủ tục cần loại bỏ ra khỏi bản giá trị văn hóa dân gian Cơ Tu, nhằm xây dựng, phát triển làng bản theo lối sống văn hóa đương đại, phù hợp thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa, hội nhập giao lưu khu vực và quốc tế.

⁵ Mồng 4 tết Giáp Ngọ (2014), anh A Lăng Nghĩa (30 tuổi), tự thắt cổ chết tại nhà em trai, bỏ lại vợ và hai con nhỏ. Sau cái chết của chủ làng A Ting Đhư (Bút Tura) năm 1979; đến năm 2007, một người trong làng là A Lăng Nhất treo cổ chết; tháng 12 năm 2013 (Quý Ty), A Lăng Tròn 32 tuổi (cháu A Lăng Nhất), treo cổ tự tử, bỏ lại vợ và năm con. Từ đây, người dân nhìn lại, có vẻ tỏ dấu hiệu lo lắng, hoang mang. Đến mồng 4 tết Nguyên đán (Giáp Ngọ - 2014), anh A Lăng Nghĩa (30 tuổi) treo cổ chết. Bấy giờ người dân cho rằng làng đã bị ma xấu có danh xưng là *con ma Pơ rong* đến ám và phá hại cả làng. Dân làng bỏ công việc nương rẫy, thu mình ở nhà, đóng cửa trong nỗi khiếp sợ. Đường làng vắng vẻ, đêm không có ai dám ra đường. Các thầy lý dịch người Kinh được nhờ gieo bói, và cho rằng: nếu không cúng dâng, trong vòng ba mươi ngày, làng sẽ còn ba người hai nam, một nữ tự tử tiếp theo. Theo quan sát của nhiều người quan tâm, trong hai ngày mồng 7 và mồng 8 tháng Hai năm Giáp Ngọ, 2014), 21 gia đình, với 85/239 nhân khẩu của thôn Bút Tura đã tháo bỏ nhà cửa để ma xấu không có nơi ẩn náu. Họ đã tháo chạy trong đêm cách làng cũ 2 km đến ở nhà người thân, người quen nhờ tá túc. Họ chạy nhanh đến nỗi, chính quyền xã Sông Côn không kịp động viên, giải thích *hủ tục ma xấu* tồn tại dai dẳng trong cộng đồng.

⁶ Lễ cúng tổ chức tại hai địa điểm: 1/ Tại nơi đập phá nhà cửa bỏ đi; 2/ Tại nơi mới đến tá túc. Lễ cúng chia thành 4 diên (lần), phẩm vật dâng cúng có thể là con heo hoặc con chó (thú bốn chân). Lần 1, 2 dùng máu của vật hiến tế đánh dấu, khoanh vùng nơi dân dời đi và nơi dân đến tá túc. Trong vòng ba ngày sau khi khoanh vùng cách ly, không một ai được vào – ra khu vực cách ly. Cúng như thế đủ bốn diên. Ai vi phạm, luật tục sẽ điều chỉnh nghiêm khắc, buộc phải cúng như thế đủ bốn diên để giải trừ ma xấu.



Lễ phảm dâng cúng dưới 'ma xấu' (Anh St)

4.2. Các thầy cúng

Niềm tin của con người đối với các lực lượng siêu nhiên trong xã hội nguyên thủy, mỗi khi cần giao tiếp để thực hiện nghi lễ tín ngưỡng, thì cá nhân tự mình thể hiện các nghi thức giao tiếp với thần linh, với tổ tiên. (Bấy giờ chưa xuất hiện tầng lớp trung gian) Người Cơ Tu thời xa xưa trước cũng vậy, mỗi người tự đặt niềm tin, thể hiện sự giao tiếp với hệ thống dàn, với tổ tiên mình thông qua nghi thức cúng lễ, Trước hết là lời khấn, bùa chú, và các động tác của ánh mắt, đôi tay giơ lên cao như thể chào mừng, dâng hiến, nguyện cầu, quỳ gối nghiêm túc để khấn vái. Và ánh mắt hay cái nhìn xa xăm vào khoảng không nào đó, hay nhìn vào biểu tượng của vật linh như lễ phảm chỉ định sự dâng cúng. Đó là vật linh hay bái vật cúng dàn chẳng hạn, ... Tất cả các biểu trưng đó cùng với lời cầu xin hướng theo tâm thức con người, mong đạt được sự hoàn thiện cuộc sống của cộng đồng người Cơ Tu trên miền rừng núi Trường Sơn.

Về vấn đề này - các thầy cúng - tức các vị đóng vai trò trung gian, thay mặt dân làng giao tiếp với các dàn, để đạt nguyện vọng của cộng đồng làng hay cá nhân mỗi hộ gia đình gửi đến dàn lời cầu xin một năm thuận lợi, giảm bớt khó khăn, có được mùa màng tươi tốt, lúa sản sung túc. Bấy giờ cá nhân mỗi người ủy thác niềm tin của mình vào các vị thầy cúng trung gian này. Chuyên luận *Những biểu hiện tín ngưỡng trong văn hóa dân gian*, GS. TSKH. Tô Ngọc Thanh, viết: 'Về sau, khi xã hội đã phát triển, nhất là thời kỳ bắt đầu có phân chia giai cấp, thì mối quan hệ bình đẳng giữa người tin và đối tượng được tin mất đi. Tín ngưỡng trở thành quan hệ tòng

thuộc của người tin vào sức mạnh của đối tượng được tin. Thêm vào đó, những thể chế, quy trình ngày càng phức tạp, bao gồm ngày càng nhiều nhân tố (không gian, thời gian, vật dâng cúng, trang phục, giới tính, kiêng kỵ, v.v...) khiến cho người dân bình thường không phải ai cũng biết hết và tự làm lấy được. Từ đó đẻ ra những người được coi là có khả năng giao tiếp và hiểu luật lệ ứng xử với thần linh. Họ được cộng đồng công nhận thay mặt người tin để giao tiếp với đối tượng được tin. Đó chính là những người trung gian, một mặt thay mặt người tin; mặt khác lại là đại diện cho thần thánh để thiết lập mối quan hệ giữa hai bên. Tùy theo loại tín ngưỡng và đối tượng được tin là ai mà có một loại người trung gian tương ứng.⁷ Đối với người Cơ Tu, vị Chủ làng cũng là thầy cúng, - nhưng có làng ủy thác cho một già làng uy tín khác - được người dân trong cộng đồng làng tín nhiệm, tin tưởng vào khả năng nắm giữ thần quyền và có năng lực giao tiếp với các đàng của họ. Và do đó, họ thay mặt cho mỗi cá nhân và cộng đồng làng thực hiện các nghi lễ dâng cúng đàng và tổ tiên ông bà họ trong các lễ cúng mà tiêu biểu là lễ đâm trâu mừng lúa mới. Các vị thầy cúng rất có uy tín trong cộng đồng làng, bởi họ được tín nhiệm để gửi gắm niềm tin. Họ nói hầu như cả làng nghe theo nên làng rất quý trọng thầy cúng. Các vị thầy cúng trong cộng đồng Cơ Tu không chỉ thực hiện đơn lẻ là lời khẩn, các động tác mà bên cạnh còn có nhạc lễ, múa nghi lễ hỗ trợ để việc dâng cúng mang tính thiêng hóa như là tôn giáo tín ngưỡng.

4.3. Các biểu tượng: con trâu, mặt trời

+ Con trâu

Con trâu trong văn hóa phương Đông, gắn bó mật thiết với cư dân trồng cây lúa vùng Đông Nam Á. Trong văn hóa phương Đông trâu là một trong 12 con giáp, đồng thời là gia súc đứng đầu lục súc thường nuôi nấng, chăm sóc.⁸ Đối với văn hóa phương Tây, Kim Ngưu là một trong 12 cung hoàng đạo của phương Tây.

Người Cơ Tu, coi trâu là con vật dùng vào việc tế đàng/ thần linh, xuất hiện trong lễ hội dân gian của họ. Máu trâu là vật lễ dâng cúng cao nhất và thiêng liêng nhất trong các vật lễ (xưa kia có hiến tế máu người). Đuôi trâu là phần thể hiện sự linh thiêng của đàng với người khi đuôi trâu được người chủ lễ ném lên rổ pà pà được thiết trí trên đầu cây x'nur, nơi được cho từ đó đàng xuất hiện và chấp nhận sự cầu khẩn của con người. Sừng trâu cong như vàng trắng khuyết được cho là biểu trưng của nước (sừng trâu máng nước), là thể hiện sự sống trước hết con người tìm đến. Bởi nước rất quan trọng trong đời sống con người và muôn loài. Nước là tác nhân gây nên sự sinh sôi nảy nở thế giới vật chất và tinh thần của nhân loại. Tín

⁷ GS. TSKH. Tô Ngọc Thanh (2019), *Những biểu hiện tín ngưỡng trong văn hóa dân gian*, Tài liệu tập huấn tại thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, tháng 6/2019, t.lđđ.

⁸ trâu, chó, ngựa, dê, gà, lợn.

ngưỡng nông nghiệp xem trọng sừng trâu.⁹ Người Cơ Tu xem con trâu là hình ảnh thiêng liêng nối kết những ước vọng của con người với dằng, với thế giới thần linh. Trâu là vật lễ trung gian, là sứ giả mà người Cơ Tu kính cẩn dâng lên thế giới thần linh trong lễ cầu xin được mùa, xin nước và tạ ơn dằng sau một mùa lúa đủ đầy. Cả trong niềm vui, nỗi buồn của tộc người như vui trong đám cưới hay buồn trong đám ma, hình ảnh con trâu xuất hiện như sứ giả gửi gắm niềm tin và ước vọng của con người. Thế nên, trước lễ đâm trâu, trâu được người làng thương khóc (nơi tơ rí), gửi gắm nơi trâu thông điệp hiến dâng dằng về sự hiến thân của trâu cho dân làng sung túc, ấm no. Và nhấn nhủ trâu hãy yên lòng là vật hiến tế dằng cho con người hạnh phúc.

Người Kinh xem *con trâu là đầu cơ nghiệp*. Người Quảng có thành ngữ *làm nhà, tậu ruộng, mua trâu*, theo đó, họ cũng xem con trâu có vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế nghề nông.

Con trâu, phần nhiều nhìn thấy đầu trâu được chạm trổ tại gươl và nhà mồ Cơ Tu, bụng trâu nơi chôn cất người chết, nơi đó là biểu trưng của sức nặng, của trọng lượng, của sự bình ổn, vững chắc và mang tính cố/ ổn định. Thế nên quan tài được biểu trưng là bụng trâu, nơi chứa đựng và cất giấu. Đó là nơi yên ổn vĩnh hằng mà con người tìm về yên nghỉ.

Quan niệm phương Tây về trâu, “Kim Nguu là hệ ý nghĩa biểu trưng về vật chất đầu tiên, về bản thể khởi nguyên, có thể đồng hóa với Đất - nguyên tố và Đất - Mẹ. Nếu cung Dương Cưu mang động lực của lửa nguyên thủy được hiện thân bằng một con vật khô, siêu nam tính, với cái sọ có thể tích được phóng đại, như thể một sự nhảy vọt lên cao và về phía trước, thì ở Kim Nguu ta thấy trạng thái tĩnh của một khối vật chất mang sự sống, với những đặc trưng của một con vật mang hình thể đầy đà mà ở đáy những đường ngang và đường bụng chiếm ưu thế...”¹⁰ Cho nên người Cơ Tu hình dung con vật bốn chân bằng cách đo vòng ngực bằng gang tay để xác định con vật to hay nhỏ.

+ Mặt trời

Hình ảnh mặt trời là một trong những biểu tượng thể hiện tính thiêng liêng trong việc tế lễ các lực lượng siêu nhiên của người Cơ Tu. Ánh sáng mặt trăng theo chu kỳ sáng tối, giúp họ phân chia thời tiết, thực hành mùa vụ, trồng cây và nhiều thói quen khác lặp lại hằng năm do sự vận động của mặt trăng mà ánh sáng của trăng dẫn dắt tư duy người Cơ Tu vận dụng vào cuộc sống. Như thế, người Cơ Tu gắn chặt chẽ sự vận động của mình vào thiên nhiên để tồn tại và phát triển. Mặt trời tỏa ra một năng lượng khai phóng vũ trụ, vạn vật do đó mà khởi sinh. Có ánh sáng mặt trời

⁹ Làng Phong Lê, huyện Hòa Vang là làng thuần nông nghiệp, tam niên nhứt lệ (tý, meo, ngo, dậu) có tổ chức lễ hội Mực đồng, tại đình Thân Nông trên đầu nóc và mái có chế tác gắn vào đây chiếc sừng trâu nhô lên cao.

¹⁰ Jean Chevalier, Alain Gheerbrant. *Dictionnaire des symboles*, Sđd.

loài người hoàn thiện được mình trong thế giới hỗn mang như chưa được sắp xếp trật tự. Mặt trời giúp hoàn thiện tinh thần và thể chất. Không chỉ người Cơ Tu mà nhân loại lấy mặt trời biểu hiện tính thiêng liêng bởi ở đó thể hiện bảy sắc cầu vồng là bảy màu tự nhiên trong vũ trụ. Và từ bảy màu, lại “phát ra bảy mươi lăm tia sáng có màu sắc khác nhau, năm mươi chín tia màu đen, tám tia dạng tam giác kéo dài ra với cạnh thẳng (bốn vàng, hai xanh lá cây, hai đỏ), xen kẽ với tám tia khác có cạnh lượn sóng (ba đỏ, hai trắng, ba xanh) vậy là nhấn mạnh hoạt động kép tỏa nhiệt và phát sáng của bức xạ mặt trời.”¹¹ Như thế hình tượng mặt trời trong quan niệm vũ trụ quan người Cơ Tu là cốt lõi, bởi ở trời có dằng Trời, dằng ngự trị và phán xét mọi chuyện trần gian (làm trung triệu đỏi no, bệnh tật, tai họa, giáng xuống bất cứ lúc nào mà con người làm phật lòng dằng). Không có mặt trời cũng đồng nghĩa không có dằng pool khởi sinh sự sống con người. Theo đó, để tạo nên tính thiêng về hình ảnh mặt trời, người Cơ Tu kẽ vẽ, chạm trổ trong gương, trên cây cột lễ, trong cái khiên, một cách khéo léo trên các tượng nhà mồ, trên y phục thổ cẩm, cả xăm trên tay, trên mình hình ảnh mặt trời, ... thể hiện tính thiêng của mặt trời trong không gian thiêng mà người Cơ Tu quan niệm Trời - Đất - Dưới đất. Sự giao tiếp này được liên kết trên hệ trục thẳng đứng từ Trời xuống và từ Đất lên. Biểu trưng tại cây x’nur (chia ba tầng), cây nêu, rung rang (ba tầng) hoặc cây mía tươi (ba tầng vũ trụ) trong những lần lễ hội lớn của họ.

5. Tín ngưỡng đa thần (thần đất, lúa, núi, sông, cây cỏ, thần đá)

Người Cơ Tu quan niệm vạn vật hữu linh như các tộc người khu vực Đông Nam Á, theo đó trong lễ tế dằng, đồng thời có lễ tế các thần Cây, Đá, Sông, Suối, ... khác trong hệ thống đa thần mà thế giới quan người Cơ Tu quan niệm. Tín ngưỡng dân gian mang tính nguyên hợp, chưa có sự chia tách nên điều này để nhận ra tín ngưỡng Cơ Tu là tập hợp các vị thần đều cúng kính trong một phiên lễ tế. Do đó, với tín ngưỡng này chưa phải là một tôn giáo cả tôn giáo nguyên thủy của loài người.

Như thế tín ngưỡng dân gian người Cơ Tu giống tín ngưỡng dân gian tộc người Kinh là toàn bộ các biện pháp thiết lập mối quan hệ với các đối tượng thờ cúng. Những nghi thức trong tín ngưỡng (dang hai tay đưa lên trời, vẫy tay, vẫy nước, ...) đi kèm với nghi thức ứng xử với hệ thống dằng. Đây là cách nhìn nhận sự vật và các hiện tượng luôn có linh hồn (hoặc hiện hoặc xấu) thường ngày thường xuất hiện. Tín ngưỡng là hình thức tồn tại theo quá trình lịch sử và cập nhật từ khi con người biết đến việc thờ cúng tổ tiên của mình.¹² Biểu hiện các nghi lễ thờ cúng,

¹¹ Jean Chevalier, Alain Gheerbrant (1992). Người dịch Phạm Vĩnh Cư (chủ biên) và các thành viên. Dictionnaire des symboles. Édition revue et augmentée. Robert Laffont, Paris. p.581.

¹² Người Việt thờ cúng ông bà cách đây 3000 năm, vào thời kỳ văn hóa đồ đồng xuất hiện, tạo bước nhảy vọt trong sản xuất nông nghiệp, dùng lưỡi cày bằng đồng thay cho gỗ, sự giúp sức của trâu đã làm thay đổi vị thế người đàn ông, chế độ phụ hệ thay cho mẫu hệ. Tín ngưỡng dân gian ra đời trên cơ sở đó, làm xuất hiện nghi lễ thờ cúng tổ tiên, ông bà. Thờ cúng là biết ơn tổ tiên, thần linh đã cho sự giúp đỡ. Người thờ

nghi thức lễ là cái chung của loài người. Người Cơ Tu vùng Đông Nam Á không ngoài các nghi lễ đó.

Từ tín ngưỡng dân gian mà tộc người Cơ Tu thực hiện trong các lễ cúng dâng, cho thấy chuyển hóa thành hình thức thực hành văn hóa, bởi thông qua tín ngưỡng đem lại cho tộc người quan niệm linh hồn đang tồn tại. Cho nên tất cả các hiện tượng từ nghi lễ, hình thức thực hiện nghi lễ (người Cơ Tu dang hai tay đưa lên trời và ngược mặt nhìn lên dâng tối cao) đều gắn chặt nhau, bổ sung nhau tạo nên đặc điểm của tín ngưỡng tâm linh không thể tách rời nhau. Đối với người Cơ Tu dọc theo Trường Sơn, không chỉ nghi lễ được thực hiện qua các thầy cúng (thường là chủ làng) mà còn biểu hiện hành động nghi lễ qua điệu múa, điệu chiêng trống và các loại nhạc lễ đi kèm. Trong không gian thiêng được cộng đồng thiết lập tất cả động tác hướng về dâng, cầu khẩn xin ân huệ nơi dâng đều được xem là nghi thức lễ.

Người Cơ Tu dâng hiến hay xin dâng động tác nghi thức của họ là hành động dang hai bàn tay đưa lên trời. Bởi không có hành động nghi thức này xem như không biểu hiện được tính chất văn hóa tín ngưỡng, không thể hiện đức tin vào dâng và hệ thống dâng trong thế giới quan của họ. Điều này rõ ràng không giống với hình thức tôn giáo. Qua những lần tham dự quan sát các hình thức dâng, cúng lễ và cầu xin dâng trong những lần lễ hội đâm trâu, tín ngưỡng người Cơ Tu với dâng thể hiện hàng số tồn tại vĩnh cửu biểu hiện văn hóa tộc người trong thờ cúng dâng của họ.

6. Lễ dòi mồ (têng ping)

Lễ dòi mồ (têng ping - bỏ mả) của người Cơ Tu Quảng Nam có từ lâu đời. Họ rất quan tâm đến lễ này (Cơ Tu gọi là têng ping). Do điều kiện nào đó tác động, như tranh chấp vùng đất chôn cất, do phải di dời vì lũ lụt có khả năng làm trôi mồ mả, vì xây dựng công trình phúc lợi xã hội và vì luật tục quy định,... nên phải dòi mồ. Tuy nhiên, việc têng ping là tập tục phải thực hiện của người Cơ Tu đối với người thân trong gia đình sau khi chết chừng ba năm. Tập tục không khắt khe về thời gian têng ping, sau chết ba hoặc bốn, năm năm, thân nhân trong gia đình lại tìm nơi chôn cất mới nên tiến hành thực hiện việc têng ping. Dòi mồ phải tổ chức lễ quy mô như lúc mới chết. Phải chọn đất, phải xin phép thần linh, được sự đồng ý của dâng mới được dòi mồ. Lễ xin dâng bằng cách ném quả trứng vào đá, trứng vỡ là đồng thuận, trứng không vỡ xem như dâng, tổ tiên chưa cho dòi mồ.

Khảo sát trường hợp lễ dòi mồ người thân một gia đình họ A Ting tại thôn A Duông¹³, thị trấn P'rao, huyện Đông Giang diễn ra trong hai ngày 3 & 4/10/2020.

cúng với tư duy sâu xa vào thắng lợi của kinh tế, hy vọng thần linh, tổ tiên giúp con người đạt được nhiều nguyện vọng. (Trần Ngọc Thêm (1999), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục).

¹³ Ông A Ting Đ. dòi mồ cha mẹ và ba người cháu về nơi an táng mới. Thôn/ làng A Duông thuộc thị trấn P'rao, huyện Đông Giang có 145 hộ, 635 khẩu, diện tích 566,7 ha. Xem: Võ Văn Hòe (2019), *Địa danh Quảng Nam xưa & nay*, quyển 1, NXB Hội Nhà Văn.

Theo ông A Ting Día là con trai của cha mẹ được dòi mồ cho hay rằng: “*vào một đêm nọ, mẹ ông về báo mộng rằng mộ của mẹ vì chôn gần bụi lồ ô nên rễ lồ ô mọc vào phần hài cốt*”.

Tiếp nhận và giải cấu trúc giấc mơ, cho hay rằng mẹ ông Đ. muốn dòi mồ đi nơi khác để được về với tổ tiên, về với làng.¹⁴ Từ tinh thần trên, gia đình chọn đất, ngày giờ dòi mồ bà, nhân lần này, dòi cả mồ ông và ba người cháu cải táng về một khu mộ chung cho được an toàn.

Quan sát một lễ dòi mồ điển hình tại một làng, cho thấy quá trình diễn ra theo một cơ chế nhất định. Bởi vì đây là tập tục cổ truyền nên thường không thay đổi cơ chế. Theo GS.TSKH. Tô Ngọc Thanh, *hoạt động văn hóa dân gian luôn tuân thủ theo cơ chế lòng bản – bài bản*.¹⁵

Cơ chế của hoạt động dân gian (hay một thành tố dân gian), người xưa đã sáng tạo ra cơ chế hoạt động mà nay các nhà nghiên cứu gọi là lòng bản – bài bản. Lòng bản là khuôn mẫu mang tính cộng đồng được trao truyền qua nhiều thế hệ, do đó ai trong cộng đồng cũng có thể thực hiện được, nhất là người cao tuổi.

Trường hợp lễ têng ping (lễ dòi mồ) người thân (cha, mẹ và ba cháu) một gia đình thuộc dòng họ A Ting tại làng A Duông, thị trấn P’rao, huyện Đông Giang là một điển hình thực tiễn được thực hiện liên tục từ lúc mới bắt đầu đến khi kết thúc. Tại tư gia, họ đang hành lễ tiến hành hai ngày một đêm (ngày 3 và 4/10/2020), thể hiện lòng bản – bài bản qua các bước không thay đổi. Các bước thực hiện liên kế nhau, không tự ý xáo trộn trình tự đến khi lễ kết thúc, xem là đã thực hiện xong một quy trình của lễ têng ping. Người Cơ Tu tiến hành têng ping qua các bước trở thành bài bản thường lệ. Để thực hiện lễ dòi mồ, tại phía phải của sân nhà (nhìn từ trong ra), người thân thiết lập một lều thổ cẩm (lều cúng), vây che, lợp bằng nhiều tấm dô, tấm tút), đặt di ảnh người được têng ping để thờ, có hai mâm lễ dâng cúng (che đậy bằng tàu lá chuối tươi, không quan sát được. Xem ảnh).

-Bước 1:

**Buổi sáng ngày 3/10, làm lễ tại mồ* (lễ là heo, gà, vịt, bánh cuốn, rượu đã chín, chủ lễ là già làng A Duông Bh’Nướch Rôm) *xin được hốt cốt* cho vào áo quan mới,¹⁶ đặt tại nơi cao ráo, sạch sẽ - nơi được cho là phù hợp để đặt hài cốt trước khi

¹⁴ Theo quan niệm vũ trụ quan người Cơ Tu.

¹⁵ Xem: GS.TSKH. Tô Ngọc Thanh (2012), bài giảng *Văn hóa dân gian – nội hàm và đặc trưng – những phương pháp tiếp cận*, tại lớp tập huấn *Nâng cao chất lượng sưu tầm, nghiên cứu văn hóa văn nghệ dân gian*, tổ chức tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh DakLak.

¹⁶ Hoặc gói trong tấm dô, tấm tút như trường hợp một gia đình Cơ Tu tại huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

cải táng. Tại làng A Duông thị trấn P'rao, thân nhân người quá cố mang năm hài cốt đến nơi chôn cất mới, dựng, vây lều thổ cẩm đặt quan hòm hài cốt tại nơi huyết mộ mới.



Hài cốt đặt vào quan hòm

**Di chuyển áo quan đến nơi chôn cất mới.*

Người thân trong gia đình, người trong dòng họ và những người giúp việc đưa quan hòm (sau hốt cốt) từ nơi hốt cốt đến nơi chôn cất mới.



Hài cốt được gói trong tấm thổ cẩm (Trường hợp một lễ tâng ping tại huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế (Ảnh: St))



Cúng hồn ma trước lều thổ cẩm, do vị thầy cúng Bh'Nướch Rôm hành lễ. Trong lúc cúng vừa hát lý, vừa nhịp trống chơ gor trước di ảnh. Người thân ngồi hai bên di ảnh. (Ảnh: cắt từ video clip của Nguyễn Đăng Hựu, đêm 3/10/2020).

-Bước 2:

**Tối, vào lúc đèn phải được thắp sáng lên cúng hồn ma*

Bấy giờ người thân trong gia đình tập trung trước lều thổ cẩm (lều cúng), ngồi thành hàng hai bên di ảnh, hoặc biểu tượng khay bằng gỗ có đặt các tượng người tại bốn góc (thay cho di ảnh – hồn bạch), cúng hồn ma người chết tại sân nhà (giữa sân đã trồng cây cột lễ (nhỏ vừa) và cột con bò hiến tế tại đó, (do không đủ kinh phí tế trâu). Hương, đèn sáp được thắp sáng lên. Tại bước này, người thân rước hồn ma và cúng hồn, kêu gọi người quá cố về với gia đình, giúp đỡ người còn sống trên cõi trần gian (bài bản chung trong têng ping). Kêu gọi và mong rằng hồn ma người chết không trách móc người thân. Người thầy cúng hát lý cúng ma cũng trên tinh thần đó mà hát thương tiếc.

*Lễ bắt đầu bằng nói – hát lý do một thầy cúng trong làng hát trước. Mở đầu là già Bh'Nướch Rôm (già làng A Duông, chừng 75 tuổi), vừa nhịp trống, vừa hát. Nội dung hát thường là *mong hồn ma người thân về với gia đình, con cháu, an vui nơi cõi trời, giúp cho người thân mạnh khỏe, không đau ốm, chết chóc và làm ăn sung túc*. Kế là người già làng A Duông, ông A Ting Né thực hiện hát – nói lý. Nội dung *mong hồn ma không trách người thân, an lòng về với tổ tiên, với làng, hát kể*

công lao và tình cảm của người quá cố với làng, với mọi người thể hiện nỗi niềm thương tiếc. Điềm nhịp là chiếc trống chơ gor. Người hát lý vừa đánh nhịp trống, vừa hát. (Trống điềm loi, không dòn đập).

Hát xong, một đại diện dòng họ A Ting do ông A Ting Đhon thực hiện hát lý đáp lễ. Lời hát đáp lễ thường là *gợi lời cảm ơn già làng, thầy cúng và toàn thể nội, ngoại, người thân có mặt đông đủ trong ngày lễ tâng ping; cảm ơn dân làng đã đến dự lễ và chia sẻ tình cảm với gia đình.*



Đại diện dòng họ A Ting, già A Ting Đhon (mang khăn đen) hát lý đáp lễ. (Ảnh: cắt từ video clip của Nguyễn Đăng Hựu, đêm 3/10/2020).

-Bước 3:

**Múa nghi lễ tâng tung da dăh dâng cơm cho ma.*

Thành viên múa được chọn là người thân trong gia đình hoặc người trong dòng họ A Ting. Múa do những người thân trong gia đình thực hiện chủ lễ, nếu thiếu người, gia đình huy động thêm những người bà con trong dòng họ A Ting tham gia múa nghi lễ (chủ yếu là phụ nữ - *padiil da dăh*). Hoặc có thể mời người làng cùng nhảy múa theo nhịp điệu nghi lễ hiến dâng và cầu nguyện.

Phối hợp với múa là điềm một hồi chiêng trống theo phương thức trình tấu (chiêng trước, trống sau) như người đồng bằng; đồng thời đội nhạc lễ có trống ca

thu, trống chơ gor, cồng lớn, cồng nhỏ phối hợp tấu lên. Âm thanh của những người tham gia hú, thét lạnh lạnh cùng với đội múa và dân làng hòa với âm thanh các loại nhạc cụ vang lên trong đêm yên ắng, tạo không gian sân nhà trở nên không gian thiêng, đan xen yếu tố ma thuật lẫn hiện thực.

Tại làng A Duông, đêm 3/10/2020, lễ diễn ra có 6 nữ và 1 nam múa điệu tung tung da dă theo hình thức nghi lễ (không sôi động, rộn ràng). Nhạc tấu không hùng dũng, không có cao trào mà âm vang trầm, réo rắt gợi nhớ gợi vào chốn thình không, hòa cùng với nhạc cụ chiêng, trống châu vùng đồng bằng điềm thêm,¹⁷ tạo nên một không gian thiêng đầy tính ma thuật và huyền bí. Tiếng chiêng, trống, nhạc cụ trình tấu liên tục rền vang trong không gian thiêng giữa sân nhà trong đêm yên ắng, cùng với tiếng hú, thét réo rắt như át đi hồn ma xấu đang ẩn nấp đâu đó trong làng, trên đường.

Cùng với múa nghi lễ thực hiện vòng ngoài, vòng trong hai người mang khay biểu tượng cho hồn người quá cố vừa hát với giọng trầm buồn, vừa bước tới, rồi thụt lui theo nhịp chiêng trống, động tác đu đưa như đưa vông nhịp nhàng càng lúc càng tiến về phía trước theo hình vòng tròn quanh cột x'nur. Đây là hình thức gọi hồn, đưa hồn về với cõi Trời, mãi mãi bình yên. Theo sau, một phụ nữ nối theo cùng bước lui tới nhịp nhàng, trên hai tay là cơm dâng cho người thân quá cố. Hai bên là hai hàng người thân rải gạo muối lên trên tầm đồ che mưa nắng, hàm ý rằng thí thực cho các loại ma xấu. Đồng thời dọc theo hai bên nơi gọi hồn ma cũng thí thực xuống đất bánh cuốt, nhằm cúng gửi cho các ma hiền ẩn nấp đâu đó trong nhà, trong lu, ché, ...

Khi dâng cơm cho ma, tầm đồ được kéo căng ra, cách điệu như mái nhà, che mưa nắng cho hồn ma.

Sau lễ dâng cơm cho ma từ khuya, người thân, người trong dòng họ A Ting và người làng thay nhau hát – nói lý thương tiếc cùng với tiếng trống chơ gor điềm nhịp đến rạng sáng hôm sau.

¹⁷ Sử dụng chiêng có núm và trống châu người Kinh. Hai nhạc cụ này được khởi trước và khởi ba hồi liên tục, kế là tiếng hú, hét vang lên, đến các loại nhạc cụ: trống ca thu, trống chơ gor và cồng lớn, nhỏ trình tấu âm thanh nghi lễ cúng ma.



*Múa nghi lễ trong lễ dâng ping
(Ảnh: cắt từ video clip của Nguyễn Đăng Hựu, đêm 3/10/2020).*

Lễ dâng ping mang đầy yếu tố tâm linh, huyền bí trong không gian mang đầy tính ma thuật. Người thân còn sống mong cho hồn ma người quá cố được về với tổ tiên, với dàng, và luôn giúp đỡ người thân không mắc bệnh tật, chết chóc, không ốm đau và cầu xin hồn ma giúp cho người thân làm ăn phát đạt, xua đuổi mọi tà ma xấu làm hại đến người thân và dòng họ, và cộng đồng làng.



*Dùng tấm thổ cẩm che đưa cơm cho ma
(Ảnh: VVH, đêm 3/10/2020)*



Dâng cơm cho ma. (Ông A Ting Nin đang thực hiện động tác dâng cơm. (Ảnh: VVH, đêm 3/10/2020)

Người trong dòng họ hát thương tiếc
(Già làng P'rao: A Ting Dhon hát, tại thời điểm ngắt câu hát, nhịp trống chơ gơ đi kèm) (Ảnh:
cắt từ video clip của Nguyễn Đăng Hữu, đêm 3/10/2020).

-Bước 4: Hát thương tiếc

**Hát thương tiếc*: già làng, người trong dòng họ A Ting, thay phiên nhau hát – nói lý... đến 3 giờ sáng hôm sau, ngày 4/10/2020 (giờ Dần).

Trong hát thương tiếc, phụ nữ hát – nói lý bên chiếc lều cúng với điệu *ca lâu* khóc, hát thương người quá cố. Đàn ông với các loại nhạc cụ: công (chiêng lớn, nhỏ), trống chơ gơ thực hiện điệu *ca lênh* thương tiếc kể về cuộc đời và sự nghiệp người quá cố, người thân, những cống hiến và tình cảm của họ với người thân, dòng họ và với cộng đồng làng. Kể lại những việc làm lúc người quá cố còn sống,... Họ nhảy múa nghi lễ suốt đêm, hoặc có thể không, nhưng hát thương tiếc là không ngơi nghỉ, với nhạc lễ hòa lên âm vang đến rạng sáng hôm sau.



-Bước 5:

**Đâm trâu cúng dàng*, *ma* (lễ là máu trâu, đầu trâu, gà, vịt (2 con còn sống)) và cơm lam, bánh cuốn,...

Trong tiếng chiêng, trống nghi lễ, một người có đủ sức khỏe trong dòng họ A Ting được cử thực hiện việc đâm trâu (trường hợp một gia đình họ A Ting làng A Duông tưng ping hiến tế con bò).



Trâu ngã. Ông A Ting Nin – người trong dòng họ - được phân công đâm bò (trâu). (Ảnh: cắt từ video clip của Nguyễn Đăng Hựu, đêm 3/10/2020)

Trước khi bò tắt thở, các thanh niên trong dòng họ nắm bốn chân bò quay quanh cây cột lễ, hướng đầu bò về phía nhà ở và sau đó hướng về chiếc lều thổ cẩm – nơi đặt hương án và di ảnh của người quá cố – bò tắt thở, thanh niên trai tráng kéo tám đập trùm lên thân mình bò.

Vị chủ lễ đặt chiếc chiếu cạnh nơi bò, dùng mâm lễ đặt lên chiếu và khởi chinh cổ nhạc cúng dàng, tổ tiên, hồn ma.

Lễ xong, cắt đầu bò đặt nơi gốc cột lễ (x'nur), mang thân bò ra khỏi nơi linh thiêng, lo việc ẩm thực và cho các lễ tại nơi chôn cất mới.

-Bước 6:

**Rước hồn ma đến nơi an táng mới*

Hồn ma người thân được rước đến nơi an táng cùng với di ảnh, bát hương cũng được mang ra nơi chôn cất¹⁸. Nhạc lễ được tấu lên từ nhà đến nơi an táng.

¹⁸ Bát hương, đèn cây thấp sáng, chiêng, trống chầu được giao thoa tiếp biến từ vùng đồng bằng.

Trên đường rước ra điểm an táng mới, tấm che bằng thổ cẩm được mọi người dùng cây gậy căng ra, nắm trên tay tạo thành mái che di động, che chắn di ảnh, bát hương đi từ nhà đến nơi chôn cất.

Tại nơi an táng mới tiến hành lễ cúng: lễ phẩm có rượu, đầu bò (trâu) đã được luộc chín và các vật lễ khác: gà, vịt com lam, bánh cuốn, rượu và các loại thực phẩm dâng cúng dâng, hồn ma.



Rước hồn ma về nơi an táng mới (Ảnh: VVH)



Rước hồn ma về nơi an táng mới (Ảnh: VVH)

-Bước 7:

**Sang chiều (13 giờ 00), đưa cỗ quan xuống nhà mồ (mồ huyệt).*

Tại đây, già làng A Duông Bh'Nướch Rôm, thân chủ là ông A Ting Đ. và người nhà, có sự giúp sức của người trong dòng họ A Ting chuẩn bị, sửa soạn lại nơi chôn cất, nơi đặt hài cốt cha và mẹ ông A Ting Đ. và ba người cháu nội của gia đình.

Mỗi người được chôn vào một phần mộ riêng. Người làng giúp sức cho việc chôn cất.¹⁹

Công việc hoàn thành, gia đình ông A Ting Đ. bàn soạn thực phẩm vừa mới cúng, tổ chức mời các vị khách, người dân làng và dòng họ A Ting dùng bữa cơm cộng cảm với gia đình ngay tại huyệt mồ.

¹⁹ Người Cơ Tu quan niệm rằng, người thân sau khi chết được chôn cất, sau ba năm có khi nhiều năm sau, thế nào cũng phải tổ chức lễ dời mồ. Bởi dời mồ cho biết rằng người thân đã được đưa lên khỏi mặt đất, được về với cõi Trời (thể hiện vũ trụ quan của người Cơ Tu thế giới có ba tầng: cõi Trời – cõi Người – cõi Âm). Vì thế trong lễ dời mồ, tập tục xưa người Cơ Tu không chôn quan hòm xuống đất mà đào huyệt và đặt một phần quan hòm xuống, không lấp đất. Xem như người chết đã về với cõi Trời, về với Dàng. Trường hợp gia đình ông A Ting Đ. chôn cất hài cốt xuống đất và lấp kín.

Xem như người chết đã về với cõi Trời. Những người còn sống đã thanh thản trong lòng.

Lễ kết thúc.²⁰

Một quy trình lễ tâng ping thực hiện từ đầu đến cuối không thay đổi. Tổ tiên xưa người Cơ Tu thực hiện theo trình tự thế, được xem là lòng bản – bài bản, không ai có quyền thay đổi hay thêm bớt và được trao truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Nay vẫn giữ.²¹

Một bài bản như thế bao gồm một phức hợp nhiều nghi lễ để tạo nên một tổng thể nguyên hợp gắn liền nhau, bởi tính chất của một thực thể lễ hội được cấu tạo bởi nhiều thành tố ngay từ khởi nguyên mà tổ tiên người Cơ Tu sáng tạo nên. Các thành tố lễ tâng ping: phân cúng, phân múa, hát – nói lý, rải gạo muối, múa tâng tung đã dấp, động tác đưa cơm cho ma, niệm hương, chiêm trông hòa nhịp, âm thanh hú – hét dội lên, rải bánh cuốt, gạo muối cho ma,...tất cả được thực hiện đầy đủ mang yếu tố tín ngưỡng dân gian, thể hiện đời sống tâm linh trong lễ tâng ping là không thay đổi. Trong lễ, cho thấy yếu tố ma thuật được thực hiện mong đẩy lùi sự sợ hãi ra khỏi bản thân, gia đình, dòng tộc và cộng đồng làng.

Tuy nhiên trong lễ tâng ping, các thành tố diễn ra trong lễ làng A không giống làng B ở các thành tố tạo nên lễ. Do đó, khó có thể xem lễ tâng ping làng A hay làng B là lễ gốc. Theo đó, mỗi lễ tâng ping có thể được thực hiện không giống nhau các thành tố lễ, nhưng lòng bản – bài bản không thay đổi. Bởi trình tự lễ đã trở thành tập tục, có tính cố định trong tín ngưỡng cộng đồng làng.

Tuy thế, sự giao thoa tiếp biến văn hóa trên phạm vi huyện, tỉnh, giữa đồng bằng với miền ngược đã phần nào làm thay đổi lễ tâng ping cổ truyền của người Cơ Tu. Theo ông A Lăng Đợi, làng Gừng, thị trấn P'rao, huyện Đông Giang cho rằng: lễ tâng ping cổ truyền của người Cơ Tu không chôn xương cốt trở về lại cõi âm, do họ đã được đưa lên từ cõi âm, đồng nghĩa với việc người thân đã thoát ra cõi âm – cõi mục nát và hủy diệt – để trở về với cõi Trời, về với Dàng. Do đó dòi mò về địa điểm mới không chôn lấp. Trường hợp chôn lấp lần nữa xem như họ lại quay trở về cõi âm mà chưa thể thoát ra khỏi cõi đen tối, mục nát và đầy rủi ro như người Cơ Tu quan niệm về thế giới tâm linh của tộc người.

Trường hợp dòi mò tập thể, làng chủ trì giúp cho dòng họ tổ chức một buổi “tổng kết” – như là hình thức tổng kiểm kê di sản mồ mả gia đình, dòng họ – và giúp sức làm một đôi quan hòm (hòm đôi = an bhrook), nhà mồ tập thể. Tất cả hài cốt được quy tập về một địa điểm (người Kinh gọi là hội táng). Tại nhà mồ, họ sắp đặt hài cốt theo thứ tự: người cao niên, lớn tuổi sắp xếp hàng trước gần mặt đất và cứ thế sắp đặt dần lên theo thứ tự thế hệ trong nhà hay trong dòng tộc (sắp đặt trên các

²⁰ Nay, họ đặt bàn thờ và thờ tự tại nhà. Xưa thì không.

²¹ Có thể thay đổi về quy mô, thời gian, kinh phí nhưng các lễ diễn ra trong tâng ping là không thay đổi.

tám ván như tam cấp). Họ sắp đặt trong một cái hố (huyệt mộ) mà không lấp đất chôn kín. Chỉ có ma dữ mới phải chôn sâu, lấp kín. Mà đã là ma dữ thì hồn ma, thân xác của những người chết xấu thường do gia đình họ tự chôn cất một nơi rất xa làng và phải chôn sâu lấp kín để không cho hồn ma quay về làng, về nhà “bắt chết dẫn người còn sống đi theo”.

Người Cơ Tu thường xuyên lưu ý đến hiện tượng *chết xấu* này.

Thế nên, ta thường thấy nhà mồ Cơ Tu, cổ quan thường để lộ một nửa phần quan tài trên mặt đất. Cổ quan được thiết trí, đặt trong một nhà mồ²² (toàn bằng gỗ tốt), như cái nhà che nắng che mưa, giữ cho cổ quan tồn tại theo tháng năm càng lâu càng tốt. Và cũng từ đó, người thân không thăm viếng nhà mồ nữa, bởi họ đã về với cõi Trời và linh hồn (rơi vai) của họ sẽ phảng phất hiện về trong sương khói mỗi khi có lễ cúng tế tại gươl làng. Và như thế gươl làng mới là nơi linh hồn họ đi – về.

7. Cúng thần rừng, tạ ơn rừng

Người Kinh vùng Quảng Nam, Đà Nẵng khi nhìn lên rừng cách họ cả trăm cây số đường chim bay, họ thảng thốt mà rằng: trên rừng có ông Rừng. Người Cơ Tu - tộc người được xem là bản địa tại rừng Trường Sơn - khi nhìn vào rừng họ cho biết có dăng Rừng (mẹ Rừng) đang tồn tại ở đó. Theo người Cơ Tu mọi thứ có được trong vũ trụ bao la này đều do thần/ dăng nào đó sinh ra, quản lý, bảo vệ cũng như quyết định đến sự tồn vong của chúng. Trong quan niệm đó, dăng Đất – Trời, đặc biệt là dăng Trời là đáng tối cao của tất cả các loại dăng. Dăng Đất sinh ra mọi dăng trên mặt đất. Dăng Trời sinh ra mọi dăng trên trời. Dăng Trời chết mọi dăng đều chết hết. Vì vậy, trong tất cả các lần cúng cầu mong điều tốt lành, hay cúng nguyện rửa điều xấu xa, họ không quên nhắc đến dăng Trời, dăng Đất.

Họ cho rằng Dăng cũng như người, mỗi loại dăng: ông ky, bà ky, ông cố, bà cố, ông, bà, cha, mẹ, con cháu, chắt, chít...

Chuyện dân gian “A pê ong lướn ơ chắc tơ noi” phản ánh có dăng ông của người Cơ Tu (Dăng mẹ - Mẹ Rừng - trong chuyện kể *Hai cha con dưới chân núi A Dương*).

Chuyện Dăng ông, được kể rằng:

“Ngày xưa ngày xưa, trên một dãy núi cao gần làng nọ, có rất nhiều đàn chim di chuyển đến ăn các loại quả. Thấy vậy, nhiều đàn ông trong làng kéo đến núi này tranh nhau chọn cây to bóng cả để làm điểm cắm que nhựa bắt chim.

“Trong làng ấy, có hai anh em trai mồ côi, hiền lành, nhút nhác ở với người ông đã già.

“Ngay từ tờ mờ sáng, đám trai làng còn sức đã lên núi cả rồi. Hai anh em mồ côi chậm chậm đến sau, cũng xin nhận cây để đặt que nhựa bắt chim vào ngày hôm

²² Nhà mồ Cơ Tu là kiến trúc điều khác, chạm trổ độc đáo thể hiện nghệ thuật tạo hình trên gỗ của người Cơ Tu.

sau. Nhưng chọn cây nào, chỗ nào cũng bị đám trai làng khurót từ, không cho chọn lựa tại điểm gần làng. Họ chỉ đồng ý cho hai anh em chọn địa điểm xa hơn, thường ít khi có chim bay tới.

“Chọn cây xong, mọi người trở về làng chuẩn bị que nhựa bắt chim, cùng một số dụng cụ cần thiết khác. Khoảng ba đến bốn giờ sáng hôm sau, ai nấy đốt đuốc đi đến cây đã chọn để cắm que nhựa. Hai anh em mò côi cũng vậy.

“Cắm xong que nhựa, mọi người ai nấy xuống trú tại lán trại của mình, chờ đàn chim bay đến đậu vào que nhựa, rơi xuống rồi bắt.

“Mọi người chờ mãi đến xế chiều mà số chim bắt được ở mỗi lán trại chỉ được vài con. Hai anh em mò côi cũng bắt được một con chim rất nhỏ (bằng ngón tay cái, Cơ Tu gọi là xơ xeeh). Sau đó, khi mặt trời xuống gần dãy núi, tại lán đầu tiên phía làng xuất hiện một ông già tóc bạc phơ, đi vào lán hỏi: “Các cháu có bắt được con chim nào không? Nướng cho ông ăn với, ông thèm ăn thịt chim quá rồi!”. Tuy có bắt được vài con chim, nhưng vì tính keo kiệt, không thương người nên đám thanh niên này đáp: “Không có! Không có! Ông đi tới lán kia mà hỏi”. Rồi cứ thế khi ông đi tới lán trại nào cũng bị đám thanh niên làng mắng nhiếc, xua đuổi. Rồi ông đến lán cuối cùng nơi trú ngụ của hai anh em mò côi, ông cũng đề nghị như đã đề nghị với các lán trại trước đó. Hai anh em mò côi thấy ông già vào lán của mình, ông già hỏi, hai anh em niềm nở chào đón và nhẹ nhàng trả lời ông già: “Dạ thưa ông có, có... Hai chúng cháu bắt được một con chim nhỏ ne nè, chúng cháu nướng cho ông ăn nhé!”. Ông già cười, gật đầu im lặng. Chim chín, ông anh lấy một ít gan chim đặt lên đầu ngón tay trở búng mạnh lên trời, rồi nói: “Ói Dàng ơi Dàng, hai anh em chúng tôi cho các dăng Ông, dăng Bà, Trời, Đất, cây cỏ, chim thú, v.v... ăn gan ngon chim này... Tí nữa cho hai anh em chúng tôi bắt được nhiều chim”. Sau đó, người anh dang hai tay mời ông già ăn. Tay ông già không đỡ lấy chim, mà gật đầu, cười nói: “Cảm ơn hai cháu, hai cháu ăn đi. Khi nãy hai cháu đã cho ông ăn rồi”. (Thì ra lúc búng gan chim cúng, ông đã “ăn” rồi). Sau đó, ông già hỏi: “Cây cắm nhựa bắt chim của hai cháu đâu rồi?”. Người em chỉ: “Đó! Đó! Thưa ông ạ”. Đoạn ông già leo lên cây, leo càng cao, các loài chim chóc bay đậu vào cây rơi rớt xuống đất càng nhiều. Hai anh em nhìn lên ngọn cây để nói lời cảm ơn, nhưng không thấy ông già đâu nữa.

“Cả hai sà léc (loại gùi dùng cho đàn ông) đã đầy chim, hai anh em trèo lên cây thu lấy số que nhựa còn lại rồi về làng trước đám thanh niên. Hai anh em đi ngang qua lán trại đám thanh niên hỏi làm thế nào hai anh bắt được nhiều chim như thế. Hai anh em mò côi thật thà kể lại tất cả sự thể câu chuyện giữa hai người và ông già nọ. Nghe xong chuyện kể, ai cũng xuýt xoa tiếc lấy, tiếc để giá lúc nãy mình thương và nướng chim cho ông già ăn, thì mình đã bắt được rất nhiều chim rồi.

“Mọi người về đến làng, câu chuyện bắt chim kể trên cũng nhanh chóng lan nhanh khắp mọi nhà và đến già làng. Ai cũng bảo ông già đó chính là Dăng ông chim (pa bhorp a chim), ông thường hay thử tài, tính nết mọi người và giúp đỡ những người thật thà tốt bụng, thương người.

“Từ đó trở đi, mỗi lần ăn uống gì họ đều dành lòng kính trọng cho các đấng Dàng thường thức trước rồi mới đến lượt mình.”²³

Những già làng sinh sống cả đời, gắn bó máu thịt với rừng đều tôn trọng và quý rừng. Bởi đó là môi trường sinh thái của họ. Rừng với hệ động thực vật phong phú cho họ cuộc sống để tồn tại. Rừng nhiệt đới rậm rạp, đủ các thảm thực vật: cây cỏ, cây bụi, dây leo, cây lá kim, cây lá to, cây có nhựa, cây không nhựa, cây có độc tố, cây không độc và nhiều loại cây dùng làm dược liệu,... Đây là sự phong phú mà thiên nhiên ưu đãi cho họ. Với tín ngưỡng dân gian vạn vật hữu linh nên tất cả đều có linh hồn, quán xuyên được mọi việc. Thần Rừng cũng từ đó mà có.

Những người trong cuộc như già làng Cơ Lâu Bh’lao ở xã Tr’hy, huyện Tây Giang, một già làng xếp hàng thứ tư trong hệ thống tổ chức xã hội truyền thống Cơ Tu - tức vị thầy cúng - được người dân trong làng kính trọng (như người Kinh trước kia có thầy phù thủy, người Chăm có thầy cúng thường gọi trân trọng là các paseh - chức sắc adhia – họ chuyên phục vụ các lễ nghi cúng tế). Bởi họ luôn là người thay mặt cộng đồng làng giao tiếp với dàng để gửi đức tin của người dân trong làng đến với dàng. Làng Cơ Tu nói chung xem vị thầy cúng (thường là chủ làng) là người có thể hiểu được ý muốn của dàng, thông thạo luật tục làng, nên họ rất được kính trọng. Luật tục thờ cúng, thờ thần rừng ở xã Tr’hy huyện Tây Giang có đã lâu đời, người Cơ Tu gọi lễ hội tạ ơn rừng là bh’rợ bhiệc lỏong c’ moo bhuôi hong k’ coong da diing. Lễ phẩm dâng cúng tùy theo làng. Làng nghèo thì cúng một con heo, một con gà; làng có của hơn có thể cúng trâu, bò và sau đó tổ chức cho cộng đồng làng tham gia bữa cơm cộng cảm cùng ăn trâu (đánh t’ri) ngay tại gươl hay tại sân làng. Trong lễ cúng có nghi thức nhạc lễ, chiêng trống được khởi lên để cúng, kèm theo đó là điệu múa tâng tung da dă - múa bây giờ trở thành múa nghi lễ, múa phục vụ tín ngưỡng - được quay thành vòng tròn múa quanh cây x’nur. Rồi sau lễ là hội, tập trung lại hát giao duyên, hội thi xay, giã, sàng gạo; thi bắn ná luyện tay săn, hoặc trò chơi đẩy gậy, ném vòng đơn, vòng đôi luyện tay nghề chính xác khi đi săn thú, ... được thanh niên nam nữ trong làng tổ chức, phục vụ cuộc vui.

Trong lễ, có nghi thức nhạc lễ làm cho lễ hội cúng rừng lớn hơn, vang xa hơn để thỉnh cầu nguyện vọng đến được dàng, tổ chức cho cả làng ăn trâu, ăn heo, gà, ... đánh trống chiêng, múa tâng tung da dă, ... giữa các làng kết nghĩa anh em, tạ ơn thần rừng trong một năm đã cho dân làng hạt lúa, nguồn nước đủ đầy, người không đói kém. Có được sự giúp sức của dàng, mùa màng theo đó bội thu, dân làng được an lành, hạnh phúc. Lễ phẩm cúng dàng rừng thường người Cơ Tu dâng lên dàng là sản vật địa phương thu hái từ nơi rừng thẳm.

Mùa xuân tới, hy vọng lễ cúng rừng khẩn cầu cho năm tới lại được mùa, của cải được nhiều hơn. Với luật tục giữ và bảo vệ rừng đầy tinh thần trách nhiệm với

²³ Già làng Bh’riu Pố, thôn A Róh, xã Lăng cung cấp, tháng 6/2020.

cộng đồng, mang đậm ý thức dân sinh, văn hóa rừng, người Cơ Tu sống hòa mình với thiên nhiên, họ xem Mẹ Rừng là thiêng liêng, là gương soi để noi theo cách bảo vệ rừng của Mẹ. Và hãy đừng bao giờ vi phạm lời nguyện.

Truyện về Mẹ Rừng, được chủ làng Bh'riu Pố, thôn A Rách, xã Lăng, huyện Tây Giang, kể *Hai cha con dưới chân núi A Dương*, Chuyện rằng:

“Mẹ Rừng, người mẹ đại ngàn
Người Mẹ sữa vàng muôn vàn tình thương
Mẹ Rừng, người mẹ bốn phương
Năm châu bốn bể, mẹ thương, mẹ gần

...

Con chim trên trời cao cần rừng xanh bát ngát
Con cá dưới nguồn cần dòng nước trong
veo

Con người Cơ Tu cần Mẹ Rừng che chở
Cho dân làng ta sinh sôi, nảy nở
Cho mùa màng ta luôn bội thu
Cho người Cơ Tu khắp muôn nơi mãi mãi trường tồn...
Mất rừng chim không còn tiếng hót
Mất suối, sông cá không còn hơi thở
Mất Mẹ Rừng người Cơ Tu sẽ tàn vong...

“Đọc theo những cánh rừng đại ngàn trên rừng Trường Sơn hùng vĩ, người Cơ Tu sinh sống bao đời nay, biết giữ gìn rừng núi, bởi nơi đây chính là mái nhà của Cơ Tu, che chở cho người sinh sống và tồn tại. Người Cơ Tu ai cũng nghĩ thế.

“Tại vùng đệm của dãy núi A Dương, rất dài và rất cao, trên giáp cây Ba, bên dưới giáp ngã ba suối Nal. Tại dãy núi có rất nhiều chim, chuột, sóc, ... sinh sống dọc theo sườn núi đó. Lưng chừng sườn núi A Dương là ngôi làng Cơ Tu, ở đó có một gia đình Cơ Tu nhà chỉ có hai cha con. Tại cánh rừng có rất nhiều loài bò sát như ốc, cuốn chiếu, kỳ đà, ...sinh sống. Lại có loài gặm nhấm bốn chân như chuột, sóc, nhím, ... sinh sống từng đàn. Tới chúng kéo nhau đi ăn, tìm mồi mòn cả khúc đường rừng nhỏ hẹp, trông thấy mà thích. Bởi nhờ có loài cầm thú này mà người Cơ Tu tồn tại, sinh sống được trên rừng Trường Sơn hùng vĩ thế này. Thế nhưng, hai cha con nhà họ muốn chiếm đoạt hết nguồn lương thực của rừng kia, lại không cho dân làng đặt bẫy săn bắt chim chuột tại dãy núi đó. Một ngày kia, hai cha con giành hết phần của dân làng, họ làm bẫy thò, bẫy thụt đặt trên những lối mòn thỏ chuột hay đi kiếm ăn để đánh bắt. Họ đặt rất nhiều bẫy, cứ năm, sáu mét đặt một số cái. Những cái bẫy có miệng loa như hình tam giác cân, hình tròn, hình vuông, ... đủ loại, đặt xuống đất để thỏ, chuột chạy qua sập bẫy.

“Ban đầu hai cha con mài liềm, mài rựa cho bén ra rừng phát quang một con đường dọc theo sườn núi. Đường mòn được mở ra, hai cha con để nguyên vậ ra về.

Thời gian phơi cho đường ráo khô và để cho các con thỏ, con chuột, ... làm quen với con đường mòn mới khi đi kiếm mồi rồi hãy đặt bẫy đánh bắt.

“Dân làng thấy hai cha con nhà nọ ăn ở keo kiệt, muốn giành lấy hết phần của người khác nên họ không thích. Trong làng có tiếng ra, tiếng vào cho tính tham lam của hai cha con nhà nọ. Họ ăn ở không được phải lòng với bà con trong làng lắm. Họ tranh giành không cho người khác tham gia đặt bẫy tại cánh rừng kia.

“Sau một tháng, các loài chuột, thỏ, kỳ đà, ... đã quen với đường mòn mới, hai cha con quyết định chọn một ngày đi đặt bẫy. Họ đặt rất nhiều bẫy, có bẫy hình tam giác cân, hình vuông hoặc hình tròn. Bẫy làm bằng cây giang, buột lên một cái cần bập lên xuống, có một sợi dây nhỏ để thắt cổ con vật lại cho chặt, dễ bắt.

“Hai cha con đặt xong các loại bẫy, để yên đấy và vui vẻ ra về. Không may cho họ, tối hôm sau đặt bẫy xong trời bỗng đổ mưa. Mưa rừng đổ xuống dữ dội cả ngày đêm. Trời bắt đầu lạnh, khói núi tỏa ra càng thêm lạnh lẽo. Hai cha con không có tấm tút, tấm dờ to để mặc. Thời ấy áo, váy mặc không nhiều như ngày này. Thuở đó chỉ có cái khô bằng vỏ cây che thân nên trời lạnh, hai cha con lại co ro hơn trong chiếc áo vỏ cây thưa thớt. Người cha thấy lạnh, ngại khi phải ra rừng thăm bẫy, bèn bảo người con ra rừng thăm bẫy thử thế nào sau trận mưa rừng dai dẳng đổ xuống, mấy chục cái bẫy có đánh bắt được con vật nào không, hay không có được con nào. Người cha bảo con:

- Bây giờ trời đã sáng rồi, con gà gáy rồi, con ngủ gì nữa, thức dậy đi thăm bẫy trên rừng đi!

Đứa con cũng cảm thấy lạnh, trả lời cha:

- Trời lạnh quá mà lại mưa nữa, để ngưng mưa hãy đi thăm chưa muộn.

Người cha lại hối hả giục:

- Đi đi ! Con đi đi ! Còn tiếc gì nữa mà ngủ.

Hai cha con lờ qua tiếng lại, dẫn đến con cãi lời cha không chịu ra rừng thăm bẫy. Căng thẳng, hai cha con lên tiếng với nhau, chửi bới nhau trong nhà.

Người cha bảo:

- Con đi đi, cha không đi !

Nhưng sau đó người con vẫn phải ra rừng thăm bẫy. Người con vừa đi, vừa bực mình.

“Ra đến rừng, người con tìm đến đến đoạn bẫy thứ nhứt, đến nơi, nắm cần bẫy giật lên nhìn vào nhưng không thấy thỏ, chuột nào cả. Hắn đặt lại như trước.

“Hắn vừa đi thăm từng cái bẫy, vừa chửi cha hắn. Chửi cha hắn xong, hắn chửi ma rừng, cả thần núi, các thần, ..hắn chửi tuốt cả. Chửi chó máng mèo luôn cả Mẹ Rừng (người Cơ Tu gọi là Cà Coong=Mẹ Rừng). Vừa chửi hắn lầm bầm trong miệng: không có con nào chui vào bẫy cả mà cha bắt mình đi lên rừng thăm bẫy làm gì cho tốn công. Thế này thì ... !

“Đến đoạn bẫy thứ hai cũng không thấy có con nhím, con thỏ, con chuột nào dính vào bẫy cả. Hắn nói to lên giữa rừng, về bực mình:

- Nào, có thấy cái gì đâu!

“Đến đoạn bẫy thứ ba, thứ tư, đoạn nào cũng thế, không có gì cả. Đi đến đoạn nào có đặt bẫy, nó cũng chửi thần Trời, thần Đất, thần Sông, thần Suối, ... Nó giết mình nói trời, nói đất, mắng chửi, nguyên rửa không ngót miệng. Nó chửi thần Núi, thần Sông không cho mình bắt con thỏ con chuột mà ăn. Bực mình vì không có cái ăn. Giở cái bẫy nào lên nó căng mắt tìm cũng không thấy gì cả. Hắn bước đi. Đi miết đến đoạn bẫy cuối cùng xa lắm. Đến nơi, hắn ngó thấy cái càn của bẫy, nắm giật lên, nhìn thấy con gì lạ lạ mà hắn chưa gặp hồi nào. Hắn nghĩ, đây là con quái vật mà hắn chưa bao giờ thấy. Hắn nhìn rồi hắn sợ, lẩm bẩm trong miệng: cái con quái gì lạ thế. Hay là ma hay là gì đây rồi. Sao con này lại ở đây. Hắn sợ lắm. Rùng mình. Hắn bèn thò tay vào bẫy rồi rút tay ra quay một trăm tám mươi độ, định chạy về nhà. Nhưng từ đâu trong rừng có tiếng nói vọng ra:

- Đây, trúng bẫy rồi đây này, qua đây mà lấy!

“Hắn nghĩ, hắn biết gặp a vui (các thần nói chung) rồi. Nếu có chạy về nhà cũng không kịp với thần a vui được, làm sao mà kịp chạy thoát ra nhanh hơn thần được chứ. Hắn đã bị con quái vật nắm chặt tay hắn trong cái bẫy. Hắn cố gỡ tay ra, nhưng không thể nào rút tay ra được. A vui nói với hắn:

- Anh có biết tôi là ai không ?

- Dạ ! Dạ !...

- Trước khi anh làm bẫy ở đây cùng với cha của anh, hai cha con anh tham lam lắm. Thứ nhất, là không cho người khác tham gia phát rừng, tham gia đặt bẫy ở sườn núi này. Thứ hai, là hai cha con anh không xin phép tôi, mà tôi là ai đây ? Là cà canh cà coong đây, là Mẹ Rừng đây. Có tôi mới có được sông, được suối, có núi non, cây cỏ, rồi chim muông, rồi chuột, ... mới có mọi cái trên núi này. Tôi sinh ra tôi ở đây, tôi quản lý, tôi bảo vệ. Hai bố con đến đặt bẫy không xin phép, không thưa gửi với tôi mà lại còn chửi rửa tôi nữa, nguyên rửa đất trời.

Những lời nguyên rửa của hắn làm Mẹ Rừng rất tức mình. Nói xong bà dốc cái giỏ to nón cụt của bà xuống, con chuột trong giỏ rớt xuống đất. Bà bảo:

- Đây! Chuột đây, sóc đây anh mang về mà ăn đi!

“Săn đó bà tóm cái cây a ngưng (dương xỉ) gần đó. Loại cây chà xát vào da rất rát. Cây dương xỉ khá là to, bà chà vào người hắn. Ôi da ơi, nó la, nó hét cả lên:

- Ôi da ơi! Ôi da ơi! Đau quá!

“Nước cây a ngưng ăn sâu vào da thịt đến đứt các mạch máu. Máu chảy tứa ra. Nó kêu lên, la cả trời cả đất nọ kia. Bà vừa chà xát, vừa dặn dò nó. Khi chà xong, thân thể nó mềm xiu. Thấy thế, bà chừa lại một ít sức lực cho nó, để nó có thể về nhà được, kể lại chuyện này cho mọi người trong nhà, cho người khác trong làng nghe.

Về đến nhà, mọi người nhìn nó, sao hắn lại thế này! Người làng ngạc nhiên:

- Anh là ma hay là người mà lại thế này?

Dân làng kéo nhau đến xem đông. Trên thân thể hấn máu me chảy đầy, nếu không có giọng nói của hấn chắc không ai nhận ra được hấn nữa. Già làng hỏi, dân làng hỏi hấn tại sao ra thế. Nó bèn kể hết lại câu chuyện hấn đặt bẫy với cha hấn và đi thăm bẫy trên rừng. Hấn kể ra hết cho dân làng nghe. Hấn chửi bới thế nào, mắng mỏ ra sao, cả các thần hấn cũng mang ra chửi. Sau khi kể xong hấn ngất lịm và chết.

“Trong khi kể hấn có tả dáng vẻ của Mẹ Rừng. Người đó là con gái giống như người Cơ Tu mình, có vòng đeo, có dây cườm, có tay, có váy, có vòng đeo tay. Hấn kể thế rồi hấn kể thêm tóc tai trông như hoa lá, như là cây cỏ. Chân lại như rễ cây không phải người.

Già làng nghe xong bèn bảo hấn:

- Thế là gặp Mẹ Rừng rồi. Do anh chửi bới nọ kia Mẹ Rừng tức mình bảo anh: chuột này của tôi, kể cả anh cũng của tôi, không có tôi là anh không có chuột, không có cây cỏ, không có gì trên núi này. Bà nói thế.

“Từ đó trở đi, mọi người hiểu ra rằng trên núi trên rừng này mọi thứ đều có người sinh ra, không phải tự nhiên mà có. Có người nuôi dưỡng, có người bảo vệ. Muốn làm gì đụng tới rừng mình phải xin phép, phải cúng, phải thưa gửi thần linh rồi mới được làm”.

Đến bây giờ nhìn lại, người Cơ Tu ngày trước đã thế, nay giờ muốn lập làng tại một khu đất nào đó phải xin Mẹ Rừng cho phép. Nếu thiên tai, địch họa người Cơ Tu cho rằng làng này hư rồi, không ở đó được nữa, phải chuyển đi ở chỗ khác, lập nên làng mới. Già làng đích thân đến nơi chọn lập làng mới tìm hiểu xem thế lập làng được không. Ông phát quang một vùng rừng rộng rồi đặt lễ phẩm cúng xuống. Cúng gà xem thử Mẹ Rừng có cho không.

Cúng bằng ba cách (ở đây trình bày 2 cách):

Thứ nhất: nếu không bắt được con ốc, con cuốn chiếu thì lấy cây đốt, cạo trên thân bên phải, cạo bên trái đối diện nhau. Sau đó thì cúng. Đặt cây lửa một bên và khẩn: Bên này (bên tôi) đây là dân làng, thưa với Mẹ Rừng, thưa với các thần linh. Bên này là chúng tôi dân làng, bên kia là các anh là thần núi, thần rừng, là Mẹ Rừng, là, ... Nếu như thần linh vui vẻ cho chúng tôi lập làng tại đây thì tí nữa tôi đốt cái lóng (a tâng) này, nếu đồng ý, cây đốt sẽ nổ bên này, bên phía thần linh. Còn nếu Mẹ Rừng và các thần linh không đồng ý thì nổ về phía dân làng. Xong đốt cây đốt, không khí nổ ra làm lóng đốt nổ toang, hoặc bên này, hoặc bên kia không biết được. Nếu đốt nổ về phía dân làng, ối chao không được rồi. Vậy là bỏ đi kiếm chỗ khác. Tìm năm sáu chỗ như thế chưa chắc được. Đây là một trường hợp.

Thứ hai: nếu không có cây đốt, dùng con cuốn chiếu hoặc là con ốc (loài bò sát), nắm gốc chuối đặt con ốc, con cuốn chiếu cạnh bên. Dùng máu gà vẩy vẩy lên lễ phẩm cúng rồi khẩn: Máu con gà trông đây, tôi cho thần linh ăn, mong thần linh phù hộ dân làng cho dân làng làm nhà tại đây, xin không để xảy ra chuyện này chuyện khác ảnh hưởng đến dân làng. thu hoạch được mùa màng tốt tươi, cho dân làng sức khỏe làm ăn sinh sống.

Khấn xong, đặt con ốc và con cuốn chiếu xuống tàu lá chuối, vẩy máu gà lên nếu con ốc hay con cuốn chiếu bò về phía thần linh thì được, còn nếu bò về phía dân làng, là mẹ Rừng và các thần linh không chấp thuận.

Nếu sau khi khấn con ốc hay cuốn chiếu bò về phía dân là Mẹ Rừng và các thần không cho lập được làng.

Từ đó trở đi bà con Cơ Tu biết rằng khi đi trên rừng hay làm việc gì trên rừng đừng bao giờ chửi bới thần rừng, các thần linh; đừng vi phạm lời nguyện rủa, bởi như thế Mẹ Rừng nghe, các thần nghe làm khổ cho mình, cho dân làng, lấy đi tính mạng con người.²⁴

8. Tính vận động sáng tạo trong tín ngưỡng

Thể hiện qua các hình dáng các tượng thờ, các vật thiêng, các lời khấn của thầy cúng không giống nhau giữa các làng và không giống nhau năm này và năm khác. Các hình thức bày biện khi cử lễ, việc trang trí cây nêu (x'nur - cây cột lễ) không giống nhau hoàn toàn giữa các làng Cơ Tu và giữa các năm. Họ luôn thay đổi biểu tượng lễ (con trâu gỗ) niềm tin cũng biến đổi theo cách nhìn nhận khác trước đã tác động đến dâng. Sự giàu có lên trong cộng đồng liên quan đến sự sáng tạo trong tín ngưỡng dân gian tộc người Cơ Tu, là sự đồng thuận của dâng hay ngược lại, từ đó sáng tạo thêm của cải vật chất và của cải tinh thần cho cộng đồng cho mỗi nhà và cho mỗi cá nhân. Bởi vì tín ngưỡng đã tạo niềm cảm hứng, niềm tin cho cá nhân và cộng đồng có sự thăng hoa trong cuộc sống đã tạo nên các mô hình gươl, nhà mồ, các tượng gỗ, các hoa văn hình học trên thổ cẩm, trên trang trí trong gươl. Sáng tạo nên lời nói - hát lý -, ... và các loại hình nghệ thuật khác. Khi con người có niềm tin vào dâng, thần thông qua các biểu tượng (tượng gỗ dâng, thần), đến lượt con người sáng tạo ra các biểu tượng theo chu kỳ phát triển, sáng tạo ra gươl, ra các bức tượng, phù điêu khắc gỗ treo tại gươl và đó chính là tính sáng tạo có được từ niềm tin thông qua tín ngưỡng dân gian của người Cơ Tu. Trên rừng núi Trường Sơn. “Niềm tin, nhất là cấp độ tiềm thức, dễ dẫn con người đến tình trạng hiến thân toàn tâm, toàn ý cho việc thực hiện nó. Vào tình trạng đó, con người có thể huy động toàn bộ năng lực, ý chí và thực hiện những việc mà vào lúc bình thường họ không tài nào làm nổi. Đó là tình trạng thăng hoa được thúc đẩy bởi một niềm tin sâu sắc. Trong tình trạng thăng hoa đó, rất dễ có những cảm xúc mạnh mẽ và trí tưởng tượng dồi dào. Đó cũng là cơ sở cho những sáng tạo nghệ thuật vô giá.”²⁵ Trong trạng thái thăng hoa sung mãn đó năng lượng sáng tạo của con người trong một hoạt động nào

²⁴ Tư liệu điền dã tại thôn A Rát, xã Lăng, huyện Tây Giang, tháng 4/2019. Võ Văn Hòe ghi theo lời kể ông Bh'riu Pồ tại thôn Phú Túc, xã Hòa Phú, nhân ông tham gia trại điều khắc gỗ Cơ Tu, tại Phú Túc, Hòa Vang ngày 24/4/2019.

²⁵ GS.TSKH. Tô Ngọc Thanh (2019), *Những biểu hiện tín ngưỡng trong văn hóa dân gian*, trong Tài liệu tập huấn hội viên Hội văn nghệ dân gian Việt Nam tổ chức tại thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, tháng 6/2019.

đó do cảm hứng thúc đẩy, ở đó người Cơ Tu thể hiện tinh thần rất riêng và thiêng liêng và để cho cảm xúc của mình bay bổng, được huy động tối đa và cứ thế sự sáng tạo tiệm cận với những biểu hiện mà lúc bình thường họ không làm được. Trong điều kiện đó, tư duy của những nhà sáng tạo văn hóa vượt ra khỏi ranh giới bình thường để đạt đến lần ranh đặc biệt tạo ra một hình thức hay một hiện tượng văn hóa nào đó phục vụ yêu cầu thẩm mỹ của con người. Trong điệu múa tontúng dadăq, trạng thái sung mãn của các nghệ nhân múa kết hợp với năng lượng sáng tạo trong hoạt động múa, theo đó, điệu múa mềm mại hơn trong da dă, nhưng cũng quyết liệt hơn trong động tác tâng tung. Những lúc đó, trạng thái tâm lý của các cô gái Cơ Tu khi dang tay múa da dă hay các chàng trai trong niềm đam mê khi nắm khiên, nắm kiếm, cây mía hay rung rang, ... với điệu tâng tung hùng tráng, cảm hứng lúc đó đạt đến tinh thần thiêng liêng khi đứng vào đội hình nghi lễ hiến tế thần linh.

Những sáng tạo như gươl, cây nêu (cột lễ), các nghệ thuật tạo hình: tượng khắc gỗ, các hoa văn trên thổ cẩm, ... đều xuất phát từ tín ngưỡng dân gian với niềm tin vào bản thể vũ trụ Trời - Đất, trong đó con người tiếp xúc với khoảng rộng mênh mông của văn hóa, để theo đó đến lượt con người trở thành một cơ quan đặc biệt của văn hóa, bởi con người sáng tạo ra văn hóa, thông qua cảm hứng từ Trời - Đất, tự thể hiện dựa trên sự tự do sáng tạo mà con người luôn sáng tạo ra văn hóa, phục vụ nhu cầu hưởng thụ đời sống tinh thần ngày càng cao của loài người. Và người Cơ Tu cũng từ cảm hứng văn hóa, vận hành trong mối quan hệ xã hội - cho dù là xã hội khép kín - cũng có những sáng tạo vật thể, làm phong phú thêm bản giá trị văn hóa tộc người mà từ xưa nay luôn hào hứng. Họ cư trú, sinh sống dọc theo sườn đông Trường Sơn, mỗi lúc một tăng thêm, tạo ra một trạng thái đặc biệt thích nghi môi trường rừng núi có nhiều khắc nghiệt để từng bước họ sáng tạo ra văn hóa. Biện pháp cách tân và kế thừa tạo ra văn hóa thông qua các biểu tượng với nhiều cảm xúc được huy động phục vụ cuộc sống, trong đó cuộc sống cộng đồng là quan trọng, có tính quyết định cho lưu giữ, duy trì và phát triển văn hóa.